

Cẩm Phả, ngày 05 tháng 05 năm 2023

### THÔNG BÁO

V/v mời báo giá hàng hóa trang thiết bị, hóa chất, vật tư y tế

Kính gửi: Các đơn vị quan tâm

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài Chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.;

Căn cứ Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài Chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

Để có căn cứ lập dự toán, xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa trang thiết bị, hóa chất, vật tư y tế phục vụ công tác chuyên môn của đơn vị. Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cẩm Phả đề nghị các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh quan tâm gửi báo giá hàng hóa theo danh mục, số lượng cụ thể như sau:

Stt	Nội dung hàng hóa	Đơn vị	Số lượng
	<b>Hoá chất xét nghiệm tương thích sử dụng cho Máy sinh hóa RxImola</b>		
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Glucose <b>Thông số kỹ thuật</b> - Mục đích sử dụng: xác định định lượng Glucose ở huyết thanh. huyết tương người - Thành phần: Hexokinase: $\geq 100$ U/ml; G6P-DH: $\geq 300$ U/ml; natri azide: 0.09 %; PIPES buffer pH 7.6: 100 mmol/l; Magnesium acetate: 10 mmol/l; ATP: 4 mmol/l; NAD: 3 mmol/l; natri azide: 0.09 % - Khoảng đo: 7-700 mg/dl <b>Quy cách</b> : 3 x 84 ml	Hộp	05
2	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GOT <b>Thông số kỹ thuật</b> : - Mục đích sử dụng: xác định định lượng GOT (ASAT) ở huyết thanh. huyết tương người - Thành phần: TRIS-Buffer pH 7.8 (30°C): 80.00 mmol/l; L-Aspartate: 200.00 mmol/l; LDH: $\geq 1.6$ U/ml; MDH: $\geq 0.5$ U/ml; NADH: 0.18 mmol/l; $\alpha$ -Ketoglutarate: 12 mmol/l - Khoảng đo: 5-700 U/l	Hộp	03

	- Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập) $\leq 2.41$ <b>Quy cách</b> : 3 x 84 ml		
3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GPT <b>Thông số kỹ thuật</b> : Mục đích sử dụng: xác định định lượng GPT (ALAT) ở huyết thanh. huyết tương người - Thành phần: TRIS-Buffer pH 7.5 (25°C): 70.00 mmol/l; L-Alanine: 410.00 mmol/l; LDH: $\geq 1.7$ U/ml; NADH: 0.3 mmol/l; $\alpha$ -Ketoglutarate: 18 mmol/l - Khoảng đo: 5-700 U/l <b>Quy cách</b> : 3 x 84 ml	Hộp	03
4	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GGT <b>Thông số kỹ thuật</b> : - Mục đích sử dụng: xác định định lượng GGT ở huyết thanh. huyết tương người - Thành phần: TRIS-Buffer pH 8.25: 85 mmol/l; Glycylglycin: 150 mmol/l; natri azide: 0.1 %; L- $\gamma$ -Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide: 2.9 mmol/l - Khoảng đo: 4 - 290 U/l - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập) $\leq 3.33$ <b>Quy cách</b> : 3 x 84 ml	Hộp	04
5	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinin <b>Thông số kỹ thuật</b> : '- Mục đích sử dụng: xác định định lượng Creatinine ở huyết thanh. huyết tương và nước tiểu người - Thành phần: NaOH: 187.8 mmol/l; Phosphate: 7.5 mmol/l; Picric acid: 8.73 mmol/l - Khoảng đo: 0.1-20 mg/dl <b>Quy cách</b> : 3 x 84 ml	Hộp	05
6	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Uric Acid <b>Thông số kỹ thuật</b> : '- Mục đích sử dụng: xác định định lượng Uric acid ở huyết thanh. huyết tương và nước tiểu người - Thành phần: Phosphate-buffer pH 7.8: 100 mmol/l; 2.4.6 Triiodine-3-hydroxibenzoate: 5 mmol/l; Detergents: 2g/l; PAP: 4.5 mmol/l; Uricase: 3 U/ml; POD: 40 U/ml; Stabilizers - Khoảng đo: 0.25-30 mg/dl <b>Quy cách</b> : 3 x 84 ml	Hộp	03
7	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cholesterol <b>Thông số kỹ thuật</b> : '- Mục đích sử dụng: xác định định lượng Cholesterol ở huyết thanh. huyết tương người - Thành phần: Phosphate buffer (pH 6.5): 30.0 mmol/l 4-Aminoantipyrine: 0.25 mmol/l; Phenol: 25.0 mmol/l; Peroxidase: $> 5.0$ KU/l; Cholesterol esterase: $> 150.0$ U/l;	Hộp	03

	<p>Cholesteroloxydase: &gt; 100.0 U/l; Natri azide: &lt; 0.01 %          - Khoảng đo: 4-750 mg/dl (0.104-19.3 mmol/l)  <b>Quy cách : 5 x 67 ml</b></p>		
8	<p>Thuốc thử xét nghiệm định lượng Urea  <b>Thông số kỹ thuật :</b>          Thành phần, nồng độ          Reagent 1          Good's buffer (pH 6.8): 25mmol/L          Cholesterolerastase : 5 KU/L          Cholesteroloxidase: 5 KU/L          HDAOS: 0.64 mmol/L          Catalase: 1000 KU/L          Reagent 2          Good's buffer (pH 7.0): 25 mmol/L          4-Aminoantipyrine: 3.4 mmol/L          Peroxidase: 20 KU/L          Sodium azide: 0.1 %          Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485          Quy cách: R1: 2x45ml + R2: 1x30ml  <b>Quy cách : R1: 2x45ml + R2: 1x30ml</b></p>	Hộp	02
9	<p>Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa  <b>Thông số kỹ thuật :</b>          '- Mục đích sử dụng: huyết thanh hiệu chuẩn sử dụng để hiệu chuẩn các xét nghiệm trên máy sinh hóa          - Dạng đông khô          - Sản xuất từ huyết thanh người.  <b>Quy cách : 10 x 3ml</b></p>	Hộp	02
10	<p>Chất kiểm chuẩn xét nghiệm sinh hóa mức bình thường  <b>Thông số kỹ thuật :</b>          '- Mục đích sử dụng: Huyết thanh kiểm soát chất lượng          - Dạng đông khô          - Sản xuất từ huyết thanh người  <b>Quy cách : 10 x 5ml/hộp</b></p>	Hộp	02
11	<p>Chất kiểm chuẩn xét nghiệm sinh hóa mức bất thường  <b>Thông số kỹ thuật :</b>          '- Mục đích sử dụng: Hóa chất đông khô Centrophath được sử dụng như huyết thanh kiểm chuẩn cho quy trình nội kiểm phòng xét nghiệm y học.          - Dạng đông khô          - Sản xuất từ huyết thanh người, đã khử fibrin  <b>Quy cách : 10 x 5ml/hộp</b></p>	Hộp	02
	Tổng: 11 danh mục		

*Ghi chú: báo giá ghi rõ các thông tin về chủng loại, cấu hình, tính năng kỹ thuật trang thiết bị, phân loại nhóm, đơn giá cụ thể theo từng mặt hàng...*

- Kính mời các Công ty/đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp hàng hóa nêu trên, báo giá chi tiết

- Hình thức nhận báo giá: Bảng Văn bản giấy (Đơn vị quan tâm có thể gửi trước file scan bảng báo giá qua địa chỉ mail).

Địa chỉ nhận báo giá:

+ Địa chỉ hộp thư điện tử: Email: [hcqtbvdkkvcp@gmail.com](mailto:hcqtbvdkkvcp@gmail.com)

+ Địa chỉ nhận bản gốc báo giá: Phòng Hành Chính Quản trị, Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cẩm Phả (địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh).

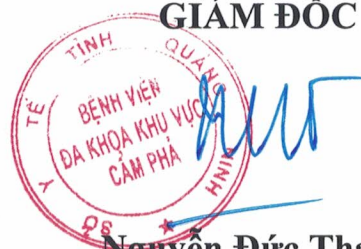
+ Số điện Thoại liên hệ: 02033.950.759

- Thời gian nhận báo giá: từ ngày 05/05/2023 đến hết 10 giờ 00 phút ngày 15/05/2023

Trân trọng cảm ơn./ 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Website: BVĐKKVCP;
- Lưu: VT, HCQT.

**GIÁM ĐỐC**  
  
**Nguyễn Đức Thanh**